

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Bà Võ Thị Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Lê Thị P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 274, ấp NQ, xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn:** Nguyễn Trường S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 170, Ấp N, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Nguyễn Phước L, sinh năm 1953.

3.2. Nông Thị Thanh V, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Số 170, ấp N, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Lê Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Trường S kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2010 tại UBND xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tình cảm. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S thường xuyên uống rượu, ăn chơi không dành thời gian cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị P có khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi, từ đó khiến tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Chị P và anh S không còn sống chung từ tháng 9/2023 đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh S có liên lạc, hàn gắn tình cảm nhưng chị P không đồng ý do chị không còn tin tưởng anh S. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có ý nghĩa nên chị P yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước Nghĩa, sinh ngày 01/01/2011. Hiện nay, cháu Nghĩa đang sống với anh S. Chị P đồng ý giao cháu Nghĩa cho anh S nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02/5/2024, bị đơn Nguyễn Trường S trình bày:

Về hôn nhân: Anh S đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước Nghĩa, sinh ngày 01/01/2011. Hiện nay, cháu Nghĩa đang sống với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu nuôi cháu Nghĩa, không có văn bản ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có văn bản ý kiến trình bày.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phước L, Nông Thị Thanh V trình bày: Đồng ý giao con cháu Phước Nghĩa cho cha mẹ cháu là chị P, anh S nuôi dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận chị P được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước Nghĩa, sinh ngày 01/01/2011 cho anh S nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P, các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Nguyễn Trường S có địa chỉ tại xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai, chị P, anh S, bà V vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với ông L vắng mặt không

có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh S, bà V, ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh S là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/5/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, anh S đồng ý ly hôn với chị P.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị P và anh S có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, tuy đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn lại được. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh S có 01 con chung là Nguyễn Phước Nghĩa, sinh ngày 01/01/2011. Hiện nay, cháu Nghĩa đang sống với anh S, ông L, bà V. Anh S yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nghĩa, chị P, ông L, bà V đồng ý giao cháu Nghĩa cho anh S nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị P và anh S không còn sống chung cháu Nghĩa sống với anh S và môi trường sống của cháu đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 29/01/2024. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Nghĩa cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phước Nghĩa, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh S không có văn bản ghi ý kiến trình bày, chị P không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S không có văn bản ghi ý kiến trình bày, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Trường S.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phước Nghĩa, sinh ngày 01/01/2011 cho anh Nguyễn Trường S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

Chị P và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000418 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- CCTHADS H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã MN, H. BT,
Bến Tre (Số: 40, ngày 21/5/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Liệt – Võ Thị Thủy

Trần Xuân Nử